

Bản án số: 02/2023/DS-PT

Ngày 09/01/2023

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Hoàng Anh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Cao Minh Vỹ

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Lát –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:  
Bà Thành Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 6, 9 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng  
Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2022/TLPT-DS ngày 28  
tháng 10 năm 2022, về tranh chấp Hợp đồng đặt cọc.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 29 tháng 07 năm 2022 của  
Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2022/QĐPT-DS ngày  
25/11/2022; Quyết định hoãn xét xử phúc thẩm số 101/2022/QĐPT-DS ngày  
16/12/2022; Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh 1987; Địa chỉ: 82, đường Hoàng Việt,  
phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị P, sinh 1979. Địa chỉ: Phòng 703 - Chung cư Lakeside B,  
phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Phòng 703 - Chung cư  
Lakeside B, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu. (Có mặt).

3.2. Ông Nguyễn Danh Lâm, sinh năm 1956. Địa chỉ: 15 - đường Lương Thế  
Vinh, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hồng T, sinh 1979.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\*/Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ngày 01/11/2021, bà Linh cho bà Võ Thị P vay số tiền là 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay là đến ngày 01/02/2022; Ngày 08/01/2022, bà Linh cho chị Phi vay tiếp số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay; Ngày 01/4/2022, bà Linh cho bà Phi vay tiếp số tiền là 1.532.000.000đ (Một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu đồng), thời hạn vay là đến ngày 01/5/2022; Tổng cộng 03 lần, bà Linh cho bà Phi vay số tiền là 3.782.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận miệng khi vay là 1,67%/1 tháng, cho cả ba khoản vay.

Mục đích vay tiền bà Phi nói để mua bất động sản và chi dùng cho gia đình; bà Phi có đưa 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS819234 do sở tài nguyên tỉnh Bình Thuận cấp cho ông Phạm Văn Quang, đăng ký biến động người nhận chuyên nhượng cho bà Phi, ông Thu ngày 18/6/2021, để làm tin. Tính đến nay bị đơn bà Phi chưa trả nợ gốc, nợ lãi cho bà Linh.

Nay bà Linh khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phi và ông Nguyễn Hồng T phải trả số nợ gốc là 3.782.000.000 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 28/6/2022, là 193.806.000 đồng; lãi suất là 10%/năm.

*\*/Bị đơn bà Võ Thị P không có lời trình bày:* Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình không đến Tòa án.

*\*/Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng T trình bày:* Ông Thu là chồng của bà Phi; Việc bà Phi vay mượn tiền của chị Linh thế nào, dùng vào việc gì ông Thu đều không biết và ông cũng không biết bà Linh là ai nên ông Thu không chấp nhận trả khoản nợ mà bà Linh khởi kiện. Hiện nay bà Phi bỏ nhà đi đã lâu, ông Phi không biết bà Phi đi đâu, ở đâu.

*\*/Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Danh Lâm trình bày:* Tài sản là chiếc ô tô loại CRV do ông Lâm là chủ sở hữu để bảo đảm cho nghĩa vụ của bà Linh đối với yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; ông Lâm xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

*\*/Tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 29 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu;* Đã áp dụng các quy định của pháp luật.

Tuyên xử: Buộc bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ trả số nợ là 3.966.217.778 đồng cho bà Nguyễn Thị L. Trong đó nợ gốc: 3.782.000.000 đồng và nợ lãi là: 184.217.778 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

*\*/Ngày 4/8/2022 ông Nguyễn Hồng T có đơn kháng cáo bản án, với nội dung:* Số tiền nợ giữa bà Phi với bà Linh là nợ riêng của bà Võ Thị P, không liên quan đến ông Thu, nên ông Thu không có trách nhiệm cùng trả nợ.

*\*/Ngày 11/8/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu có quyết định kháng nghị số 06/KN-VTSVT-DS, với nội dung:* Đề nghị Tòa án cấp phúc

thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm; Không buộc ông Nguyễn Hồng T cùng trả nợ và sửa về án phí dân sự sơ thẩm.

*\*/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*\*/Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Các giấy vay tiền do một mình bà Phi ký; Bà Linh thừa nhận khi giao tiền không có mặt ông Thu; Bà Linh không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền cho vay để bà Phi đem về phục vụ sinh hoạt hoặc làm kinh tế gia đình của ông Thu, bà Phi; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hồng T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.] *Xét về nội dung kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử thấy:*

*\*/ Về tiền gốc vay:* Bà Nguyễn Thị L có cho bà Võ Thị P vay tiền 3 lần có viết giấy vay tiền, có ghi số tiền vay, thời hạn trả, không ghi lãi suất:

+Giấy vay tiền ngày 01/11/2021 với số tiền vay là 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) ngày trả 01/02/2022; Giấy vay tiền ngày 08/1/2022 với số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ngày trả 08/04/2022; Giấy vay tiền ngày 01/4/2022 với số tiền vay là 1.532.000.000đ (Một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu đồng) ngày trả 01/05/2022.

Tổng số tiền vay là 3.782.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm tám mươi hai triệu).

*\*/ Về việc tính lãi, lãi suất:*

Bà Linh cho rằng vay có lãi thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1,67%/ tháng nhưng bà Phi chưa trả số tiền gốc, số tiền lãi nào cả; Nay yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, lãi suất chung là 10%/năm = 0,83%/tháng đối với các khoản vay.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 quy định và hướng dẫn về lãi, lãi suất. Thì việc yêu cầu trả lãi suất của bà Linh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về thời gian tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/7/2022 (*Tòa án cấp sơ thẩm lấy thời gian tính lãi đến ngày 28/6/2022 là không đúng quy định của pháp luật*)

*\*/ Việc tính lãi cụ thể như sau:*

1. Giấy vay tiền ngày 01/11/2021 với số tiền vay là 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng); Ngày trả 01/02/2022.

+Lãi trong hạn: Từ ngày 01/11/2021 đến ngày 01/02/2022 là 3 tháng (2.200.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 3 tháng = 54.780.000 đồng.

+Lãi quá hạn: Từ ngày trả 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2022 là 5 tháng 28 ngày: 2.200.000.000đồng x (105% x 0,83% = 1,25%) x 5 tháng 28 ngày = 163.166.667 đồng.

+Lãi trên nợ lãi chưa trả: 217.946.667 đồng x 0,83% / tháng x 8 tháng 28 ngày = 16.160.018 đồng.

Tổng lãi trong hạn, quá hạn, lãi trên nợ lãi: 234.106.685 đồng

2. Giấy vay tiền ngày 08/1/2022 với số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Ngày trả 08/04/2022.

+Lãi trong hạn: Từ ngày 08/01/2022 đến ngày 08/04/2022 là 3 tháng (50.000.000đồng x 0,83%/ tháng x 3 tháng = 1.245.000 đồng.

+Lãi quá hạn: Từ ngày trả 08/04/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2022 là 3 tháng 21 ngày: 50.000.000đồng x (105% x 0,83% = 1,25%) x 3 tháng 21 ngày = 2.312.500 đồng.

+Lãi trên nợ lãi chưa trả: 3.557.500 đồng x 0,83% / tháng x 6 tháng 21 ngày = 197.833 đồng.

Tổng lãi trong hạn, quá hạn, lãi trên nợ lãi: 3.755.333 đồng.

3. Giấy vay tiền ngày 01/4/2022 với số tiền vay là 1.532.000.000đ (Một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu đồng); Ngày trả 01/05/2022.

+Lãi trong hạn: Từ ngày 01/04/2022 đến ngày 01/05/2022 là 1 tháng (1.532.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 1 tháng = 12.715.600 đồng.

+Lãi quá hạn: Từ ngày trả 01/05/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2022 là 2 tháng 28 ngày: 1.532.000.000đồng x (105% x 0,83% = 1,25%) x 2 tháng 28 ngày = 56.173.333 đồng.

+Lãi trên nợ lãi chưa trả: 68.888.933 đồng x 0,83% / tháng x 3 tháng 28 ngày = 2.248.993 đồng.

Tổng lãi trong hạn, quá hạn, lãi trên nợ lãi: 71.137.926 đồng.

*\*/ Tổng số tiền lãi của 3 giấy vay nợ: 234.106.685 đồng +3.755.333 đồng + 71.137.926 đồng = 308.999.944đồng(Tòa án cấp sơ thẩm tính tổng tiền lãi*

184.217.778 đồng là không đúng quy định của pháp luật, không phù hợp yêu cầu khởi kiện là tính lãi theo pháp luật quy định, gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu xem xét lại tiền lãi là có căn cứ.)

\*/. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 3.782.000.000 đồng + 308.999.944 đồng = 4.090.999.944 đồng.

Bà Võ Thị P cố tình vắng mặt không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Ông Nguyễn Hồng T là chồng của bà Phi xác nhận chữ viết, chữ ký của người vay ở cuối giấy vay tiền Võ Thị P đúng là của bà Phi;

Tuy nhiên ông Thu cho rằng: Ông không hề biết về số tiền vay này và không biết bà Phi vay để làm gì, tất cả chi phí con cái, sinh hoạt và làm kinh tế gia đình đều do tài chính của ông Thu bỏ ra; Hiện nay bà Phi đã bỏ nhà đi đâu ông Thu không biết. Ông Thu cũng không ký vào các giấy vay tiền và cũng không biết bà Linh là ai? Còn bà Linh cũng thừa nhận ông Thu không ký vào giấy vay, khi giao tiền cũng không có ông Thu và trước, trong và sau khi vay tiền bà Linh cũng không thông báo cho ông Thu được biết việc bà Phi vay tiền của bà Linh. Các tài sản của ông Thu, bà Phi đứng tên đều có thời gian hình thành trước thời gian giấy cho vay tiền; Như vậy không có cơ sở để buộc ông Thu cùng trả nợ với bà Phi.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Thu cùng trả nợ với bà Phi là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án.

Bị đơn bà Phi phải nộp là: 4.090.999.944 đồng = 112.000.000 đồng + (90.999.944 đồng x 0,1% = 91.000 đồng) = 112.091.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án.

Do kháng cáo được Tòa án chấp nhận nên ông Thu không phải chịu và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

[5] Thiếu sót của thẩm phán xét xử sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Thu cùng trả nợ với bà Phi mà không có chứng cứ chứng minh là số tiền vay sử dụng vào sinh hoạt cuộc sống gia đình ông Thu bà Phi là không phù hợp với quy định của pháp luật; Việc tính lãi, lãi suất không theo hướng dẫn tại nghị quyết 01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao nên đã tính toán lãi sai, án phí sai luật định. Do đó cần phải sửa án (Lỗi sửa án là do lỗi chủ quan); Thẩm phán xét xử sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

**Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị; Sửa bản án sơ thẩm.**

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng T; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng

Tàu; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 29 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, như sau:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Võ Thị P.

1. Bà Võ Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ là 4.090.999.944 đồng (Bốn tỷ không trăm chín mươi triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm bốn bốn đồng).

2. Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị P phải nộp 112.091.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, không trăm chín một ngàn đồng); Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 55.095.000 đồng theo biên lai thu số 0002485 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Hồng T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002999 ngày 9/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 9/01/2023.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. VT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã Ký)**

**Trịnh Hoàng Anh**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các thẩm phán**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Cao Minh Vỹ**

**Nguyễn Minh Châu**

**Trịnh Hoàng Anh**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- Xã Lộc Sơn, Hậu Lộc, Thanh Hóa
- Ông Thảo, bà Năm.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Hoàng Anh**



